BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN MAI THUYÊN

CƠ CHẾ TỰ KIỂM SOÁT VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

Ngành đào tạo: Luật hiến pháp và Luật hành chính
Mã số: 9380102

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2023

Công trình được hoàn thành tại:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS. Tô Văn Hòa

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sỹ cấp trường, họp tại Trường Đại học Luật Hà Nội vào hồi ….. ngày …. tháng …. năm ….

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1) Thư viện Quốc gia;
2) Thư viện Trường Đại học Luật Hà Nội

HÀ NỘI - 2023

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kiểm soát quyền lực nhà nước là đòi hỏi tất yếu trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước hiện đại. Ở Việt Nam, về mặt pháp lý, lần đầu tiên vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước được quy định một cách chính thức trong Hiến pháp năm 2013 – đạo luật cơ bản của đất nước (Khoản 2 Điều 2). Điểm mới này trong Hiến pháp được kỳ vọng tạo ra bước tiến mới trong việc kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân.

Cũng như các nhánh quyền lực nhà nước khác, quyền tư pháp do Tòa án đảm nhiệm nhất thiết phải bị kiểm soát để có thể vận hành hiệu lực, hiệu quả. Nếu không có cơ chế kiểm soát hữu hiệu thì Tòa án sẽ lạm quyền hoặc xét xử oan sai. Tuy nhiên, quyền tư pháp cũng là nhánh quyền duy nhất được Hiến pháp xác định có chức năng xét xử nhằm bảo vệ công lý. Để thực hiện được "thiên chức" đó, một trong những yêu cầu đối với hệ thống Tòa án trong Nhà nước pháp quyền là tính độc lập. Vấn đề đặt ra là làm sao cân bằng được hai giá trị: sự kiểm soát đối với tư pháp và tính độc lập của tư pháp? Các cơ chế kiểm soát từ bên ngoài hệ thống tòa án đều tiềm ẩn nguy cơ xâm phạm vào tính độc lập của quyền tư pháp do Tòa án đảm nhiệm. Do đó, phải thúc đẩy khả năng tự kiểm soát (kiểm soát nội bộ) trong hệ thống Tòa án nhằm bảo đảm kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp, đồng thời gìn giữ được phẩm giá cao quý của tư pháp là tính độc lập. Mặc dù vậy, tự kiểm soát trong hệ thống Tòa án ở nước ta vẫn còn nhiều bất cập: kiểm soát bằng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm chưa thực sự hiệu quả; mối quan hệ giữa các Tòa án còn nặng về tính hành chính; liêm chính tư pháp của Thẩm phán chưa thực sự được gìn giữ, tăng cường; sự tham gia của Hội thẩm còn mang tính hình thức…

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh (NCS) lựa chọn đề tài *"Cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam"* với mục đích nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn, lập luận và đề

xuất giải pháp hữu hiệu nhằm xây dựng, hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân (TAND) ở Việt Nam, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của quyền tư pháp nói riêng và bộ máy nhà nước Việt Nam nói chung.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1 Mục đích nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu với mục đích góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND; phân tích, đánh giá thực trạng cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam hiện nay, từ đó thấy được những bất cập cũng như nhu cầu hoàn thiện cơ chế. Trên cơ sở đó, luận án xác định phương hướng và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích nghiên cứu ở trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án được xác định như sau:

- Làm rõ những vấn đề lý luận về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND: khái niệm, bản chất, đặc điểm của quyền tư pháp; khái niệm, đặc điểm, vai trò, các yếu tố cấu thành và các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND. Luận án cũng xác định những yêu cầu cơ bản đối với cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam và nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về vấn đề này để rút ra giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- Phân tích quá trình hình thành và phát triển các quy định của pháp luật Việt Nam về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND, đánh giá thực tiễn vận hành cơ chế trên các mặt ưu điểm, thành tựu đạt được và những khuyết điểm, hạn chế, khó khăn. Từ đó, luận án chỉ ra các nguyên nhân chủ yếu dẫn tới khuyết điểm, hạn chế, khó khăn này.

- Đề xuất quan điểm, giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND, thực trạng pháp luật và thực tiễn vận hành cơ chế này ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về mặt không gian: Luận án khảo sát trong phạm vi thực tiễn ở Việt Nam. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, tùy từng nội dung, luận án tham khảo, so sánh, đối chiếu với những quan điểm, tư tưởng của các học giả nước ngoài cùng với quy định của hiến pháp, pháp luật một số nước về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp nhằm đưa ra các ý kiến đánh giá, luận giải thuyết phục hơn.

Về mặt thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND chủ yếu từ khi có Hiến pháp năm 2013 đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận là phép duy vật biện chứng của Chủ nghĩa Mác - Lê nin. Bên cạnh đó, Luận án còn sử dụng phương pháp luận là các lý thuyết khác gắn với đề tài để làm định hướng cho luận án, như lý thuyết về quyền lực và kiểm soát quyền lực, lý thuyết về quyền tư pháp và kiểm soát quyền tư pháp…

Phương pháp tiếp cận vấn đề nghiên cứu của luận án: phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở quyền con người, phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp tiếp cận liên ngành, phương pháp tiếp cận so sánh.

Phương pháp nghiên cứu của luận án: phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh là những phương pháp được sử dụng xuyên suốt trong luận án; bên cạnh

đó, luận án có sử dụng phương pháp mô tả và phân tích quy phạm, phương pháp thống kê, phương pháp lịch sử…

5. Kết quả nghiên cứu và những đóng góp mới của Luận án

Luận án là công trình nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND: hệ thống hoá các quan điểm về quyền tư pháp, kiểm soát quyền tư pháp, cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp; khái niệm, đặc điểm, các yếu tố cấu thành và yêu cầu lý luận đối với cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND.

Luận án phân tích thực trạng pháp luật về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND theo Hiến pháp 2013 và thực tiễn vận hành của cơ chế, luận giải nguyên nhân của thực tiễn và xác định nhu cầu tất yếu của việc hoàn thiện cơ chế này ở Việt Nam.

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án xác định quan điểm, yêu cầu và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam.

6. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu với các phần chính sau:

Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Chương 1: Lý luận về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

Chương 2: Thực trạng cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam

Chương 3: Quan điểm, giải pháp hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam.

TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước liên quan đến đề tài

1.1. Các công trình nghiên cứu về quyền lực nhà nước và kiểm soát quyền lực nhà nước

Kiểm soát quyền lực nhà nước là yêu cầu tất yếu trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước, là yếu tố trung tâm của Nhà nước pháp quyền. Vì vậy, vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước được đặc biệt quan tâm trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Dưới góc độ nghiên cứu, đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu ở các cấp độ khác nhau về vấn đề này, như: Lê Quốc Hùng (2004), *Thống nhất, phân công và phối hợp quyền lực nhà nước ở Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; Trịnh Thị Xuyến (2008), *Kiểm soát quyền lực nhà nước – một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội; Thái Vĩnh Thắng (2011), *Tổ chức và kiểm soát quyền lực nhà nước*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; Nguyễn Minh Đoan (2016), *Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước của các cơ quan nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội; Nguyễn Đăng Dung (2017), *Kiểm soát quyền lực nhà nước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: *"Xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay*" của Viện Chính trị học – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2009), TS. Lưu Văn Quảng làm chủ nhiệm; Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: *Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ở nước ta* của Viện Nghiên cứu lập pháp (2015), GS.TS Trần Ngọc Đường làm chủ nhiệm đề tài. Ngoài ra, vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước được nghiên cứu trong rất nhiều các công trình luận văn, luận án, bài tạp chí…

1.2. Các công trình nghiên cứu về quyền tư pháp và kiểm soát quyền tư pháp

Quyền tư pháp là nhánh quyền đặc thù và rất được chú trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay. Nội dung về quyền tư pháp và

kiểm soát quyền lực tư pháp được nghiên cứu, thể hiện trong các công trình như: cuốn sách "*Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền"*, Lê Cảm, Nguyễn Ngọc Chí (2004), Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội; cuốn "*Tính độc lập của Tòa án – nghiên cứu pháp lý về các khía cạnh lý luận, thực tiễn ở Đức, Mỹ, Pháp, Việt Nam và các kiến nghị với Việt Nam"* của Tô Văn Hòa (2007), Nxb. Lao động, Hà Nội; cuốn "*Hệ thống toà án của một số nước trên thế giới (kinh nghiệm cho Việt Nam)"* của Trương Hòa Bình, Ngô Cường (2014), Nxb. Thế giới, Hà Nội. Các nghiên cứu khác về quyền tư pháp và kiểm soát quyền tư pháp gồm: Nguyễn Huy Phượng (2012), *Giám sát xã hội đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Luận án tiến sỹ luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội; TAND tối cao, *Tập hợp các báo cáo, chuyên đề về hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Toà án nhân dân; về quyền tư pháp và chế định Thẩm phán, Hội thẩm toà án nhân dân*, phục vụ cho việc chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật tổ chức Toà án nhân dân, 2014; Đào Trí Úc (2010), *Bàn về quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa,* Tạp chí Luật học, số 8/2010; Đinh Thế Hưng (2010), *Thực hiện quyền tư pháp nhằm đảm bảo quyền tiếp cận công lý trong nhà nước pháp quyền*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5/2010…

1.3. Các công trình nghiên cứu về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Toà án nhân dân

Cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND thường được các công trình nghiên cứu trong nước tiếp cận như một phương thức, một chiều cạnh kiểm soát quyền tư pháp bên cạnh các phương thức kiểm soát khác. Các công trình nghiên cứu về vấn đề này bao gồm: Viện chính sách công và pháp luật (2014), *Cải cách tư pháp vì một nền tư pháp liêm chính,* Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội; Ban chỉ đạo xây dựng đề án Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, Hội thảo khoa học: *Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt*

Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, Đà Nẵng, 2022; Nguyễn Quốc Hùng (2016), *Kiểm soát quyền lực tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Luận án tiến sĩ luật học, Học viện khoa học xã hội; Phạm Hồng Phong (2021), *Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước giữa cơ quan thực hiện quyền hành pháp và quyền tư pháp ở Việt Nam,* Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Đào Trí Úc, *"Những vấn đề chủ yếu về liêm chính tư pháp trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*" và Nguyễn Quang Hưng, *"Quản trị toà án với việc đảm bảo tính độc lập của Thẩm phán"*, bài viết trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Liêm chính tư pháp: các tiêu chuẩn quốc tế và pháp luật Việt Nam" do Viện chính sách công và pháp luật và Tổ chức hướng tới minh bạch tổ chức ngày 10/10/2014; Đặng Hoàng Oanh (2009), *Hội đồng tư pháp quốc gia – thiết chế độc lập về quản lý toà án Tây Ban Nha*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 7/2009;…

2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước liên quan đến đề tài

Ở ngoài nước cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu ở các mức độ khác nhau về kiểm soát quyền lực nhà nước, quyền tư pháp và kiểm soát quyền tư pháp. Về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp có thể kể đến các công trình: Setsuo Miyazama (2002), *Nội dung hệ thống tranh tụng Nhật Bản,* (bản dịch của Chu Trung Dũng và Bùi Thị Nhàn), Nxb. Khoa học pháp lý, Hà Nội; Tập hợp *các báo cáo nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của hệ thống tư pháp 05 quốc gia, bao gồm Trung Quốc, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc và Liên bang Nga*, do nhóm chuyên gia quốc tế Dự án "Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam" thực hiện năm 2011, với sự hỗ trợ của Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP); Cơ quan phòng chống ma tuý và tội phạm của Liên hợp quốc (2011), *Hướng dẫn tăng cường liêm chính và năng lực tư pháp;* Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội (2012), *Về pháp quyền và chủ nghĩa hợp hiến – một số tiểu luận của các học giả nước ngoài,* Nxb. Lao động xã hội. Một số tiểu luận trong cuốn sách này gợi mở nhiều vấn đề lý luận và giải pháp để bảo đảm liêm chính tư pháp của Thẩm phán như tiểu luận *"Vai trò của*

*Tư pháp độc lập" c*ủa tác giả Philippa Strum, giáo sư Chính trị học tại Trường Brooklyn, Đại học New York; Tiểu luận: "*Tầm quan trọng của độc lập tư pháp*", tác giả Sandra Day O'Connor – Phó Chánh án Toà án tối cao Hoa Kỳ (bài phát biểu tại Diễn đàn tư pháp Ả rập, tổ chức ở Manama, ngày 15/9/2003). Các nội dung liên quan đến khía cạnh kiểm soát trong hệ thống toà án còn được thể hiện thông qua các công trình khác như: "*Court – system transparency"* (Toà án – một hệ thống minh bạch) của tác giả Lynn M. Lopucki; *"The real issues of judicial ethics"* (Vấn đề thực sự của đạo đức tư pháp) của tác giả Alex Kozinski; *"Judicial ethics"* (đạo đức tư pháp) của tác giả Jeffrey M. Shaman, giáo sư luật Đại học Luật DePaul;*"Judicial Independence and the Supervision of Judges' Conduct: Reflections on the Purposes of the Ombudsman for Complaints against Judges Law, 2002*" (Độc lập tư pháp và giám sát hành xử của Thẩm phán – những phản ánh về mục đích của Luật về thanh tra các khiếu nại chống lại Thẩm phán năm 2002) của tác giả T. Straberg – Cohen, 2005,...

3. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

3.1. Những kết quả của các công trình nghiên cứu mà luận án tiếp tục kế thừa, phát triển

Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án ở Việt Nam cũng như trên thế giới đã đạt được những kết quả nhất định về lý luận, thực trạng và giải pháp.

3.2. Những vấn đề chưa được nghiên cứu hoặc chưa được làm sáng tỏ, cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Thứ nhất, về mặt lý luận, luận án cần tiếp tục nghiên cứu các vấn đề cơ bản sau đây:

- Nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về khái niệm, bản chất, đặc điểm của quyền tư pháp và các khái niệm liên quan như: hệ thống tư pháp, cơ quan tư pháp, hoạt động tư pháp, đặc điểm, vai trò của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Toà án nhân dân. Cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp được xác định trên cơ sở nghiên cứu tính đặc thù của quyền

tư pháp và những hạn chế của các cơ chế kiểm soát khác đối với việc thực hiện quyền tư pháp của Toà án nhân dân.

- Luận án cũng có nhiệm vụ nghiên cứu sâu hơn về vấn đề các yếu tố cấu thành cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND, các yếu tố ảnh hưởng, có khả năng tác động đến hiệu quả của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND. Những yếu tố này xuất phát từ đặc trưng của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hoặc từ tính đặc thù của quyền tư pháp. Từ đó, xác định hệ yêu cầu đối với cơ chế tự kiểm soát quyền tư pháp của TAND làm căn cứ để xây dựng các giải pháp, kiến nghị.

Thứ hai, về mặt thực tiễn, Luận án cần tập trung làm rõ các vấn đề: nghiên cứu, đánh giá tổng thể, toàn diện về thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND; hực trạng vận hành của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND, hiệu quả hoạt động của thể thế, các thiết chế và phương thức vận hành của cơ chế. Trên cơ sở các số liệu thực tiễn, đánh giá toàn diện về ưu điểm và hạn chế của thực tiễn vận hành của cơ chế và xác định những nguyên nhân của kết quả thực tiễn đó.

Thứ ba, về giải pháp, nghiên cứu xác định các quan điểm, giải pháp hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VỀ CƠ CHẾ TỰ KIỂM SOÁT VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN

1.1. Khái niệm, bản chất, đặc điểm của quyền tư pháp trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước

1.1.1. Khái niệm quyền tư pháp

Quyền tư pháp là một nhánh quyền lực độc lập trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước. Cho đến nay, ở trên thế giới và ở Việt Nam đã có những quan điểm khác nhau về quyền tư pháp, nhưng nhìn chung, quyền tư pháp là một nhánh của quyền lực nhà nước, do TAND thực hiện thông qua hoạt động xét xử nhằm bảo vệ công lý. Đây cũng là quan điểm được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam, tại Khoản 1 Điều 102: *"TAND là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp"*.

1.1.2. Bản chất, đặc điểm của quyền tư pháp

1.1.2.1. Bản chất của quyền tư pháp

Về bản chất, quyền tư pháp là quyền thực thi công lý, nhân danh nhà nước mang lại công lý trong xã hội. Hiểu một cách cơ bản nhất từ góc độ chính trị - pháp lý, công lý là một giá trị xã hội với nội dung là lẽ phải, sự công bằng, phù hợp với lợi ích chung, được xã hội thừa nhận và đạt được thông qua thực thi pháp luật. Bảo vệ công lý, vì lẽ đó, là bảo vệ lẽ phải, lẽ công bằng được xã hội thừa nhận.

1.1.2.2. Đặc điểm của quyền tư pháp

- Quyền tư pháp lại được nhận định là "yếu" hơn so với các nhánh quyền lực lập pháp và hành pháp.

- Quyền tư pháp là quyền thụ động trong các nhánh quyền lực nhà nước, bởi nó chỉ vận động khi có sự hiện diện của một vụ việc cụ thể, có tranh chấp rõ ràng chứ không phán quyết về những tình huống giả định hoặc chưa có mâu thuẫn về quyền và lợi ích giữa các bên.

- Quyền tư pháp mang bản tính độc lập.

- Chỉ có Tòa án, với chức năng xét xử, mới là cơ quan thực hiện quyền tư pháp.

1.2. Khái niệm, đặc điểm, các yếu tố cấu thành cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

1.2.1. Khái niệm cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

Kiểm soát quyền lực nhà nước là hoạt động xem xét, theo dõi, đánh giá của các chủ thể khác nhau, nhằm bảo đảm quyền lực nhà nước được tổ chức và thực hiện một cách đúng đắn, phục vụ tối đa lợi ích của Nhân dân. Đối với mỗi đối tượng kiểm soát bao giờ cũng tồn tại nhiều cơ chế, cách thức kiểm soát. Cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND là cơ chế trong nội bộ hệ thống TAND, gồm tổng thể các yếu tố thể chế, thiết chế gắn kết chặt chẽ với nhau hợp thành hệ thống, cùng vận hành theo những phương thức nhất định nhằm theo dõi, đánh giá, ngăn ngừa và loại bỏ những nguy cơ, hành động sai trái trong quá trình thực hiện quyền tư pháp.

1.2.2. Đặc điểm của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

Từ khái niệm cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND, có thể thấy cơ chế này mang các đặc điểm:

Thứ nhất, cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND là cơ chế nội bộ trong hệ thống Tòa án.

Thứ hai, cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND mang tính chất chủ động và tự động.

Thứ ba, cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND phải đảm bảo tính độc lập tư pháp.

1.2.3. Các yếu tố cấu thành cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

1.2.3.1. Thể chế của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

Thể chế của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND là tổng thể các quy định pháp luật xác định chủ thể, đối tượng, nội dung, phương thức, hậu quả pháp lý… để kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp trong hệ thống TAND. Thông thường, thể chế của cơ chế này được quy định trong Hiến pháp, luật và các văn bản dưới luật. Trong đó, các quy định của Hiến pháp được coi là thể chế gốc, căn bản, then chốt, có vai trò định khung và tạo lập nguyên tắc cho toàn bộ hệ thống thể chế.

1.2.3.2. Thiết chế của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

Thiết chế của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND là các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hệ thống TAND, được hình thành và hoạt động trên cơ sở quy định của Hiến pháp và pháp luật để thực hiện kiểm soát quyền tư pháp – xét xử. Đặc trưng của thiết chế này thể hiện ở chỗ đây là các chủ thể trong nội bộ hệ thống TAND chứ không phải từ các nhánh quyền lực khác hay từ phía xã hội. Hệ thống chủ thể của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND bao gồm: TAND các cấp; các thiết chế trong hệ thống TAND (HĐXX, Thanh tra, các đơn vị chuyên môn); các cá nhân trong hệ thống TAND (Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án).

1.2.3.3. Phương thức vận hành của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

Phương thức vận hành cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND là toàn bộ phương pháp, cách thức, quy trình, thủ tục do pháp luật quy định để các chủ thể trong hệ thống TAND tiến hành kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp, bao gồm:

- Kiểm soát về tổ chức trong hệ thống TAND
- Kiểm soát bằng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm
- Kiểm soát bằng liêm chính tư pháp của Thẩm phán

- Kiểm soát bằng sự tham gia của Hội thẩm trong xét xử

1.3. Vai trò của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

Cơ chế tự kiểm soát có các vai trò: (1), là công cụ điều tiết bảo đảm cho quyền tư pháp được vận hành hiệu lực, hiệu quả; (2), là phương tiện góp phần tăng cường tính pháp quyền của Nhà nước; (3) hỗ trợ các cơ chế kiểm soát bên ngoài đối với việc thực thi quyền tư pháp.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

Cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND chịu sự tác động bởi nhiều yếu tố: Chế độ chính trị, hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật của cán bộ tư pháp và người dân, điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

1.5. Yêu cầu đối với cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

Cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND phải đáp ứng các yêu cầu về tính toàn diện, tính đồng bộ, tính phù hợp, khả thi. Nhận thức đầy đủ các yêu cầu trên đây là cơ sở để xem xét, đánh giá thực trạng cơ chế hiện nay, đồng thời còn xác định được các tiêu chí nhằm hướng tới hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam.

1.6. Cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam

Thông qua nghiên cứu về ba quốc gia Pháp, Hoa Kỳ, Nhật Bản, có thể thấy, mặc dù khác nhau về hình thức chính thể, chế độ chính trị, mức độ phân chia và kiểm soát quyền lực nhà nước nhưng ở các quốc gia này, ngoài sự phân chia, kiềm chế và đối trọng giữa các nhánh quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp thì đều thúc đẩy khả năng tự kiểm soát (kiểm soát nội bộ) của hệ thống Tòa án. Việc tự kiểm soát của hệ thống Tòa án được tiến hành thông qua quy trình tố tụng và bảo đảm liêm chính tư pháp của Thẩm phán. Trên cơ sở đó, có thể rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam:

Thứ nhất, nhận thức đúng đắn về tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp.

Thứ hai, nội dung của tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND là kiểm soát phán quyết của Tòa án, kiểm soát hành vi của Thẩm phán và các chức danh tư pháp và kiểm soát tổng thể về tổ chức và hoạt động của cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Do đó, tự kiểm soát dù chỉ trong nội bộ hệ thống TAND nhưng được thực hiện bởi nhiều cách thức, với sự tham gia của nhiều chủ thể, quy trình, thủ tục, hệ quả xử lý… khác nhau.

Thứ ba, tự kiểm soát được thực hiện bởi hai cách thức cơ bản là quy trình tố tụng và bảo đảm liêm chính tư pháp của Thẩm phán. Vì vậy, cần xây dựng quy trình tố tụng chuẩn, bảo đảm "tố quyền" của Tòa án mỗi cấp. Cùng với đó, cần tăng cường các biện pháp bảo đảm liêm chính tư pháp của Thẩm phán.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nhiệm vụ của chương 1 là nghiên cứu những vấn đề lý luận về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam.. Kết quả nghiên cứu tại chương 1 cho thấy một số nội dung cơ bản sau đây:

- Cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND là tổng thể các yếu tố thể chế, thiết chế gắn kết chặt chẽ với nhau hợp thành hệ thống, cùng vận hành nhằm theo dõi, đánh giá, ngăn ngừa và loại bỏ những nguy cơ, hành động sai trái trong quá trình thực hiện quyền tư pháp, được tiến hành trong nội bộ hệ thống TAND. Tự kiểm soát là nhu cầu tất yếu, khách quan trong quá trình tồn tại và vận hành của quyền tư pháp. Các phương thức tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND được xác định bao gồm kiểm soát về tổ chức hệ thống Tòa án, kiểm soát bằng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, kiểm soát thông qua bảo đảm liêm chính tư pháp của Thẩm phán và kiểm soát bằng sự tham gia của Hội thẩm trong xét xử.

- Hiệu quả của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi các yếu tố chính trị, pháp lý, khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật của người dân, ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý

của cán bộ Tòa án cũng như điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND phải tính đến các yếu tố này. Đồng thời, luận án cũng xác định các yêu cầu đặt ra đối với cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND, làm tiêu chí để xây dựng, hoàn thiện cơ chế ở nước ta.

Chương 2. THỰC TRẠNG CƠ CHẾ TỰ KIỂM SOÁT VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng thể chế của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam

Thể chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở nước ta trước hết thể hiện trong những quan điểm, đường lối, định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền tư pháp, cải cách tư pháp và kiểm soát quyền tư pháp. Về pháp lý, Hiến pháp năm 2013 được xem là thể chế gốc của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam hiện nay. Từ tinh thần và nội dung của Hiến pháp, thể chế về chủ thể, phạm vi, nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục của cơ chế được quy định đầy đủ, nhất quán, thể hiện thông qua các đạo luật, văn bản dưới luật: Luật tổ chức TAND năm 2014; Các luật, bộ luật tố tụng; Luật Cán bộ, công chức 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019; Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017, Quyết định 120/QĐ – TANDTC ngày 19/6/2017 của Chánh án TANDTC ban hành quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong TAND. Đặc biệt, nhằm xây dựng chuẩn mực đạo đức, ứng xử cho đội ngũ Thẩm phán phấn đấu, rèn luyện và thực hiện, ngày 04/7/2018, Hội đồng tuyển chọn giám sát Thẩm phán quốc gia ban hành Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán kèm theo Quyết định số 87/QĐ-HĐTC.

2.2. Thực trạng các thiết chế của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam

Trong thời gian qua, trên cơ sở hệ thống thể chế, các thiết chế như TAND các cấp; Hội đồng Thẩm phán; Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia; Hội đồng thi tuyển Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp; Thanh tra TAND; Chánh án TAND; Thẩm phán và Hội thẩm đã tham gia kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND. Bên cạnh những kết quả tích cực, sự tồn tại, vận hành của các thiết chế này cũng còn những điểm hạn chế, bất cập nhất định.

2.3. Thực trạng các phương thức vận hành cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam

2.3.1 Những kết quả đạt được

- *Về kiểm soát tổ chức trong hệ thống TAND*: Việc tăng cường tính độc lập tư pháp kéo theo sự chú trọng nhiều hơn về yếu tố quản lý trong nội bộ hệ thống và mỗi tòa. Hiện nay, công tác quản lý Thẩm phán, quản lý các Tòa án mang tính khép kín mà "đầu não" là TANDTC. Điều này vừa tạo điều kiện cho độc lập tư pháp, vừa góp phần kiểm soát quyền lực trong hệ thống. Cùng với đó, ngành TAND đã xây dựng, hoàn thiện nhiều Đề án để đổi mới tổ chức và hoạt động. Đây là những bước đi nhằm cải cách về tổ chức hệ thống Tòa án, đáp ứng yêu cầu kiểm soát quyền lực và cải cách tư pháp.

- *Về kiểm soát bằng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm:* các Tòa án đã chú trọng kiểm soát trong hoạt động tố tụng thông qua thủ tục xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm. Tỷ lệ giải quyết các vụ án theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án các cấp có xu hướng tăng dần theo từng năm. Chất lượng thực hiện thẩm quyền giải quyết vụ án thông qua quyền ban hành các quyết định sửa, hủy bản án của HĐXX phúc thẩm không ngừng được tăng cao. Tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của TAND năm sau luôn đạt cao hơn năm trước.

- *Về kiểm soát bằng bảo đảm liêm chính tư pháp của Thẩm phán:* Với những yêu cầu của cải cách tư pháp hiện nay, công tác tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán phải được quan tâm đặc biệt, không chỉ bảo đảm về số lượng mà còn phải bảo đảm về tiêu chuẩn, chất lượng và được thực hiện một cách chặt chẽ theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Điều kiện làm việc của Thẩm phán cũng ngày càng được quan tâm. Hoạt động giám sát đối với Thẩm phán được tăng cường, thường xuyên theo dõi và xử lý kịp thời các thông tin về Thẩm phán bị phản ánh trên phương tiện thông tin đại chúng.

- *Về kiểm soát bằng sự tham gia của Hội thẩm trong xét xử:* đội ngũ Hội thẩm về cơ bản đáp ứng được yêu cầu công tác xét xử; việc phân công Hội thẩm

tham gia phiên tòa đảm bảo thống nhất, khoa học, dựa trên vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc.

2.3.2. Những hạn chế, bất cập

- *Về kiểm soát về tổ chức trong hệ thống TAND:* Nhìn chung, hệ thống Tòa án ở nước ta tổ chức theo mô hình bị hành chính hóa khá nặng nề. Việc tổ chức như vậy không đảm bảo nguyên tắc độc lập tư pháp, làm hạn chế khả năng tự kiểm của các Tòa án địa phương cũng như tạo ra nguy cơ can thiệp của các Tòa án cấp cao hơn. Trong mỗi Tòa án, mối quan hệ hành chính giữa lãnh đạo Tòa án với nhân viên Tòa án trong thực tế một mặt là biểu hiện của kiểm soát nội bộ, mặt khác cũng ảnh hưởng khá lớn đến tính độc lập tư pháp.

- *Về kiểm soát bằng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm:* Bất cập trước hết là thiếu các yêu cầu pháp lý về chất lượng bản án, làm cho toà án dễ có xu hướng "tùy tiện" trong việc đưa ra phán quyết của mình và cũng làm hạn chế khả năng kiểm soát của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới trong quá trình thực thi quyền tư pháp. Một vấn đề đặt ra làm hạn chế khả năng "dẫn dắt" của Tòa án giám đốc thẩm là hiện nay Tòa án ở Việt Nam chưa được công nhận thẩm quyền giải thích pháp luật.

- *Về kiểm soát bằng bảo đảm liêm chính tư pháp của Thẩm phán:* Hoạt động xây dựng đội ngũ Thẩm phán còn vướng mắc về thể chế quy định tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm, tái bổ nhiệm Thẩm phán; nguồn bổ nhiệm Thẩm phán trên thực tế vẫn bị bó hẹp. Các điều kiện về nhiệm kỳ, chính sách đãi ngộ, cơ chế bảo vệ… chưa thực sự bảo đảm Thẩm phán yên tâm công tác và giữ gìn liêm chính tư pháp. Cơ chế giám sát và kỷ luật Thẩm phán chưa hiệu quả.

- *Về kiểm soát bằng sự tham gia của Hội thẩm trong xét xử:* Thực tiễn cho thấy vai trò của Hội thẩm khá mờ nhạt, sự tham gia của Hội thẩm trong xét xử mang nhiều tính hình thức. Vì lẽ đó, Hội thẩm khó có thể kiểm soát được Thẩm phán trong xét xử. Trong nhận thức của xã hội và của đội ngũ cán bộ tư pháp cũng chưa thực sự coi trọng sự tham gia của Hội thẩm, chưa coi Hội thẩm là một kênh kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

Những hạn chế, bất cập trong các phương thức vận hành của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND xuất phát từ nhiều nguyên nhân, bao gồm nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Xác định được các nguyên nhân này là cơ sở để có được những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả vận hành cơ chế ở nước ta hiện nay.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trên cơ sở quan điểm thống nhất, xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, về kiểm soát quyền lực và cải cách tư pháp, hệ thống thể chế của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND dần được hình thành, phát triển và hoàn thiện.

Mặc dù vậy, thực trạng cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND vẫn còn những hạn chế nhất định. Thể chế pháp lý chưa thực sự hoàn thiện, thiết chế kiểm soát chưa phát huy vai trò, trách nhiệm của mình, sự vận hành cơ chế chưa hiệu quả, mâu thuẫn giữa kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp và độc lập tư pháp chưa được giải quyết triệt để. Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau.

Nhận thức, đánh giá khách quan thực trạng của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND là cơ sở để đề xuất được các quan điểm, giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện cơ chế, nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực trong nội bộ TAND ở nước ta.

CHƯƠNG 3. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ TỰ KIỂM SOÁT VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM

3.1. Quan điểm hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam

3.1.1. Hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam phải đáp ứng đòi hỏi của công cuộc cải cách tư pháp và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam

3.1.2. Hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam phải đi đôi với đảm bảo nguyên tắc độc lập trong việc thực hiện quyền tư pháp

3.1.3. Hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát phải được ưu tiên chú trọng, đồng thời tiến hành đồng bộ với xây dựng và hoàn thiện các cơ chế kiểm soát khác đối với việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

3.2. Giải pháp hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam

3.2.1. Các giải pháp về đổi mới tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân đáp ứng yêu cầu tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp

- Thiết kế mô hình tổ chức hệ thống tòa án khoa học, phù hợp. Trước mắt, mô hình tổ chức hệ thống Tòa án có thể được thiết kế như sau: (1) Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một số đơn vị hành chính cấp huyện; (2) Tòa án phúc thẩm được tổ chức theo đơn vị hành chính cấp tỉnh, có thẩm quyền xét xử phúc thẩm và sơ thẩm một số vụ án theo lãnh thổ được giới hạn trong phạm vi địa giới hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (3) Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm; (4) TANDTC có nhiệm vụ hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

- Thành lập Hội đông tư pháp quốc gia để quản lý hệ thống Tòa án.

- Đổi mới thủ tục hành chính tư pháp tại các Tòa án.

3.2.2. Các giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp bằng xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm

- Nhận thức đúng đắn về tính chất của phúc thẩm, giám đốc thẩm trong cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp.

- Trao thẩm quyền giải thích pháp luật của Tòa án và qua đó nâng cao giá trị hướng dẫn của các quyết định giám đốc thẩm.

- Có cơ chế buộc Tòa án cấp dưới phải tôn trọng quyết định giám đốc thẩm của Tòa án cấp trên.

- Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bản án, quyết định của Tòa án.

- Tăng cường trách nhiệm của người có thẩm quyền kháng nghị

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các bản án đã có hiệu lực pháp luật.

3.2.3. Các giải pháp về tăng cường liêm chính tư pháp của Thẩm phán

- Nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng đội ngũ Thẩm phán.

- Bảo đảm điều kiện hoạt động của Thẩm phán.

- Xây dựng cơ chế giám sát và kỷ luật Thẩm phán phù hợp, hiệu quả.

3.2.4. Các giải pháp nâng cao chất lượng và trách nhiệm của Hội thẩm đáp ứng yêu cầu tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân

- Nâng cao trình độ pháp lý và năng lực xét xử của Hội thẩm.

- Mở rộng việc lựa chọn các thành phần, đối tượng tham gia làm Hội thẩm.

- Tăng cường chế độ, chính sách đãi ngộ đối với Hội thẩm.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Nhiệm vụ của Chương 3 là nghiên cứu quan điểm, giải pháp hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam hiện nay. Vì thế, nội dung của chương tập trung vào những vấn đề lớn sau:

- Về quan điểm, hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam trước hết phải đáp ứng đòi hỏi của công cuộc cải cách tư pháp và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Trong đó, kiểm soát quyền lực không được tách rời, mà ngược lại, phải cổ súy, đề cao tính độc lập tư pháp. Kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND chỉ có thể thành công khi có một cơ chế đầy đủ, thống nhất và vận hành hiệu quả, phát huy được sức mạnh tổng thể. Cơ chế đó phải bao gồm cả kiểm soát từ bên trong (các cơ quan nhà nước) lẫn kiểm soát từ bên ngoài (kiểm soát xã hội). Các cơ chế kiểm soát không đơn độc mà có sự phối hợp, tương tác với nhau.

- Các giải pháp hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND phải được tiến hành đồng bộ, hiệu quả. Ở tất cả các phương thức, hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp trên tinh thần và nội dung Hiến pháp năm 2013 và quan điểm, đường lối của Đảng có vai trò quan trọng, quyết định hiệu quả vận hành của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND.

KẾT LUẬN

Xuất phát từ bản chất đặc thù của quyền tư pháp, cơ chế kiểm soát đối với quyền tư pháp không giống như kiểm soát đối với quyền lập pháp, quyền hành pháp. Trong kiểm soát quyền tư pháp phải tôn trọng, đề cao tính độc lập của tư pháp. Do đó, cần thúc đẩy khả năng tự kiểm soát của hệ thống TAND trong thực hiện quyền tư pháp.

Luận án làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam, từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp hoàn thiện. Luận án đã đạt các kết quả sau đây:

- Đã nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài ở trong và ngoài nước về cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND, đánh giá những kết quả nghiên cứu đã đạt được và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu, là dư địa cho Luận án có thể khai thác.

- Về cơ sở lý luận, Luận án đã nghiên cứu về bản chất, đặc điểm của quyền tư pháp trong tổ chức, thực hiện quyền lực nhà nước; khái niệm, đặc điểm, các yếu tố cấu thành của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam; các yếu tố ảnh hưởng tới cơ chế và yêu cầu đặt ra cho việc hoàn thiện cơ chế. Cấu trúc của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND là các yếu tố thể chế, thiết chế gắn kết chặt chẽ với nhau hợp thành hệ thống, cùng vận hành theo những phương thức nhất định nhằm theo dõi, đánh giá, ngăn ngừa và loại bỏ những nguy cơ, hành động sai trái trong quá trình thực hiện quyền tư pháp. Điểm đặc biệt của cơ chế này thể hiện ở chỗ đây là cơ chế kiểm soát nội bộ, chủ thể kiểm soát và đối tượng kiểm soát cùng nằm trong một hệ thống.

- Về thực trạng, Luận án đã tổng hợp, phân tích quá trình phát triển tư duy, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền tư pháp và kiểm soát quyền lực nhà nước trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Trên cơ sở đó, thể chế pháp lý của cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND đã được định hình và dần hoàn thiện, thể hiện trong các quy định của

Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác. Chủ thể kiểm soát quyền tư pháp trong TAND khá đa dạng, vận hành theo các phương thức xác định. Luận án đánh giá thực trạng vận hành cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND đã đạt những kết quả nhất định, góp phần hiện thực hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về "phân công, phối hợp, kiểm soát" trong thực hiện quyền lực nhà nước. Bên cạnh đó, sự vận hành của cơ chế cũng cho thấy những hạn chế, bất cập cần được khắc phục, hoàn thiện. Những hạn chế đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan.

- Hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của TAND ở Việt Nam cần phải đáp ứng đòi hỏi của công cuộc cải cách tư pháp và định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, đồng thời phải cổ xúy mạnh mẽ cho nguyên tắc độc lập tư pháp. Cũng cần đặt cơ chế này trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ với các cơ chế kiểm soát khác đối với quyền tư pháp như kiểm soát của quyền lập pháp, kiểm soát của VKSND, kiểm soát xã hội … để phát huy sức mạnh tổng thể. Luận án đã đề xuất các nhóm giải pháp gắn với từng phương thức vận hành của cơ chế, với các giải pháp cụ thể về thể chế, thiết chế. Mỗi nhóm giải pháp đều có vai trò quan trọng nhất định nhằm hoàn thiện cơ chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Nguyễn Mai Thuyên (2022), "Hoàn thiện cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân trong Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam", *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 6/2022.
2. Nguyễn Mai Thuyên (2022), "Неподкупность судей, как условие обеспечения правосудия во Вьетнаме" (Bảo đảm liêm chính tư pháp của Thẩm phán góp phần kiểm soát quyền lực tư pháp ở Việt Nam), *Tạp chí Государственная Служба и Кадры* (Dịch vụ công và Nhân sự) (ISSN: 2312-0444), №2/2022.
3. Nguyễn Mai Thuyên (2022), "Các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế tự kiểm soát việc thực hiện quyền tư pháp của Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay", *Tạp chí Giáo dục và xã hội,* số 01/2022.
4. Nguyễn Mai Thuyên (2022), "Институт народного заседателя в уголовном судопроизводстве Вьетнама" (Chế định Hội thẩm trong hệ thống TAND ở Việt Nam), *Tạp chí Закон и право* (Luật và Pháp luật) (ISSN 2073-3313), (Москва), №1/2022.
5. Nguyễn Mai Thuyên (2021), "An overall look at Vietnam's election law", *Viet Nam law and Legal forum,* No.5/2021.
6. Nguyễn Mai Thuyên (đồng tác giả) (2020), "The thought of natinonal solidarity in the Vietnammese Constitution", *Journal LEGAL AND ADMINISTRATIVE STUDIES* (University of Pitesti Faculty of Economic Sciences and Law), No.2 (23) – 2020.
7. Nguyễn Mai Thuyên (2017), "Hoàn thiện pháp luật về hoạt động lấy phiếu tín nhiệm của Quốc hội Việt Nam", *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 6 (115)/2017.
8. Nguyễn Mai Thuyên (2021) (đồng chủ biên), *Hướng dẫn môn học Luật hiến pháp,* Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2021, đồng tác giả Chương 3 (Chế độ chính trị và Bộ máy nhà nước); Chương 8 (Tòa án nhân dân).
9. Nguyễn Mai Thuyên (2022), *Lược sử lập hiến Trung Quốc từ 1949 đến nay,* Sách tham khảo, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tác giả Chương 5.